

Mẫu số: D21-THADS
(Ban hành theo Thông tư số 04 /2023/TT-BTP ngày
14/8/2023 của Bộ Tư pháp)

CỤC THADS TỈNH HẬU GIANG
CHI CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
HUYỆN CHÂU THÀNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 175 /TB-CCTHADS

Châu Thành, ngày 10 tháng 6 năm 2024

THÔNG BÁO
V/v Công khai lựa chọn tổ chức
thẩm định giá tài sản thi hành án dân sự

Căn cứ Điều 98 Luật thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014, năm 2022);

Căn cứ Quyết định số 11/2022/QĐST-DS ngày 04/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

Căn cứ Quyết định số 12/2022/QĐST-DS ngày 06/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

Căn cứ Quyết định số 38/2021/QĐST-DS ngày 08/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

Căn cứ Quyết định số 64/2022/QĐST-DS ngày 23/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

Căn cứ Quyết định số 48/2022/QĐST-DS ngày 27/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

Căn cứ Quyết định số 15/2022/QĐST-DS ngày 06/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

Căn cứ Quyết định số 39/2022/QĐST-DS ngày 07/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

Căn cứ Quyết định số 65/2022/QĐST-DS ngày 25/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

Căn cứ Quyết định số 29/2022/QĐST-DS ngày 24/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

Căn cứ Quyết định số 36/2022/QĐST-DS ngày 30/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

Căn cứ Quyết định số 87/2022/QĐST-DS ngày 16/12/2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

Căn cứ Quyết định số 47/2022/QĐST-DS ngày 27/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

Căn cứ Quyết định số 67/2022/QĐST-DS ngày 29/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.



Căn cứ Quyết định số 66/2022/QĐST-DS ngày 26/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang

Căn cứ Bản án số 71/2022/DS-ST ngày 22/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang

Căn cứ Quyết định thi hành án số 336/QĐ-CCTHADS ngày 07/01/2022 của Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

Căn cứ Quyết định thi hành án số 541/QĐ-CCTHADS ngày 15/4/2022 của Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

Căn cứ Quyết định thi hành án số 544/QĐ-CCTHADS ngày 15/4/2022 của Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

Căn cứ Quyết định thi hành án số 542/QĐ-CCTHADS ngày 15/4/2022 của Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

Căn cứ Quyết định thi hành án số 546/QĐ-CCTHADS ngày 15/4/2022 của Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

Căn cứ Quyết định thi hành án số 222/QĐ-CCTHADS ngày 10/11/2022 của Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

Căn cứ Quyết định thi hành án số 28/QĐ-CCTHADS ngày 04/10/2022 của Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

Căn cứ Quyết định thi hành án số 233/QĐ-CCTHADS ngày 10/11/2022 của Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

Căn cứ Quyết định thi hành án số 155/QĐ-CCTHADS ngày 02/11/2022 của Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

Căn cứ Quyết định thi hành án số 186/QĐ-CCTHADS ngày 03/11/2022 của Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

Căn cứ Quyết định thi hành án số 184/QĐ-CCTHADS ngày 03/11/2022 của Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

Căn cứ Quyết định thi hành án số 380/QĐ-CCTHADS ngày 04/01/2023 của Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

Căn cứ Quyết định thi hành án số 231/QĐ-CCTHADS ngày 10/11/2022 của Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

Căn cứ Quyết định thi hành án số 220/QĐ-CCTHADS ngày 10/11/2022 của Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

Căn cứ Quyết định thi hành án số 66/QĐ-CCTHADS ngày 07/10/2022 của Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

Căn cứ Quyết định thi hành án số 219/QĐ-CCTHADS ngày 10/11/2022 của Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

Căn cứ Quyết định thi hành án số 221/QĐ-CCTHADS ngày 10/11/2022 của Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

Căn cứ Quyết định thi hành án số 218/QĐ-CCTHADS ngày 10/11/2022 của Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

Căn cứ Quyết định thi hành án số 27/QĐ-CCTHADS ngày 04/10/2022 của Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

Căn cứ Quyết định thi hành án số 26/QĐ-CCTHADS ngày 04/10/2022 của Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

Căn cứ Quyết định thi hành án số 25/QĐ-CCTHADS ngày 04/10/2022 của Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

Căn cứ Quyết định thi hành án số 11/QĐ-CCTHADS ngày 03/10/2022 của Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

Căn cứ Quyết định thi hành án số 29/QĐ-CCTHADS ngày 04/10/2022 của Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

Căn cứ Quyết định thi hành án số 298/QĐ-CCTHADS ngày 02/12/2022 của Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

Căn cứ Quyết định thi hành án số 381/QĐ-CCTHADS ngày 04/01/2023 của Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

Căn cứ Quyết định thi hành án số 154/QĐ-CCTHADS ngày 02/11/2022 của Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

Căn cứ Quyết định thi hành án số 550/QĐ-CCTHADS ngày 05/5/2023 của Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

Căn cứ Quyết định thi hành án số 233/QĐ-CCTHADS ngày 10/11/2022 của Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

Căn cứ Quyết định cưỡng chế kê biên quyền sử dụng đất và tài sản gắn trên đất số 03/QĐ - CCTHADS ngày 23/02/2024 của Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

Căn cứ biên bản kê biên, xử lý tài sản ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

Do đương sự không thỏa thuận được về giá và Tổ chức thẩm định giá tài sản. Nay, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang thông báo công khai về việc lựa chọn Tổ chức thẩm định giá tài sản của ông Nguyễn Thanh Trung, bà Nguyễn Thanh Hậu. Địa chỉ: ấp Thị Trấn, thị trấn Ngã Sáu, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang như sau:

1. Tên, địa chỉ của người có tài sản thẩm định giá

Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

Địa chỉ: ấp Thị Trấn, thị trấn Ngã Sáu, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

Điện thoại: 0293.3948590

2. Tên, địa chỉ của tài sản thẩm định giá

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với bà Nguyễn Thanh Hậu và ông Nguyễn Thanh Trung được Tòa án nhân dân huyện Châu Thành và Tòa án nhân tỉnh Hậu Giang công nhận phần đất theo đo đạc thực tế có diện tích 75.4 m², mục đích sử dụng loại đất cây lâu năm, vị trí số 02, thuộc thửa đất số 2853, tờ bản đồ số 08A, vị trí ấp Đông Lợi, xã Đông Phước, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang, theo mảnh trích đo địa chính số 345-2022 ngày 21/7/2022 của Công ty trách nhiệm hữu hạn đo đạc bản đồ Tín Phát (chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất).

Tài sản trên đất kê biên gồm có hoa màu, như cây chuối, loại A, 05 cây.

3. Tiêu chí lựa chọn Tổ chức thẩm định giá

Các Tổ chức thẩm định giá tài sản phải đáp ứng các tiêu chí sau:

- Tổ chức thẩm định giá trên địa bàn tỉnh Hậu Giang (quy định khoản 2 Điều 98 Luật THADS).

- Đã có kinh nghiệm thẩm định giá bất động sản.

- Bảng tiêu chí kèm theo Quy trình lựa chọn tổ chức thẩm định giá, bán đấu giá tài sản thi hành án tại Quyết định số: 1079/QĐ-TCTHADS ngày 25/12/2020 của Tổng Cục THADS về việc ban hành Quy trình lựa chọn tổ chức thẩm định giá, bán đấu giá tài sản thi hành án (gửi kèm: Bảng tiêu chí chấm điểm các Tổ chức thẩm định giá tài sản, để cung cấp hồ sơ theo yêu cầu).

4. Điều kiện nộp hồ sơ đăng ký

- Có văn bản đăng ký tham gia cung cấp dịch vụ thẩm định giá tài sản; hồ sơ năng lực và các tài liệu khác.

- Tổ chức thẩm định giá tài sản cung cấp bản chính hoặc bản sao y bản chính các giấy tờ, tài liệu do tổ chức mình ban hành; cung cấp bản sao có chứng thực các giấy tờ, tài liệu khác không do tổ chức mình ban hành. Cơ quan Thi hành án dân sự không hoàn trả hồ sơ đối với tổ chức thẩm định giá không được lựa chọn.

- Người đến nộp hồ sơ phải mang theo Giấy giới thiệu và chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước.

5. Thời gian, địa điểm nộp hồ sơ

Nộp trực tiếp tại Cơ quan THADS huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang trong thời gian 02 ngày làm việc, kể từ ngày Thông báo được công khai trên trang thông tin điện tử của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hậu Giang, Cổng thông tin điện tử của Tổng Cục THADS.

Địa điểm: Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

Địa chỉ: ấp Thị Trấn, thị trấn Ngã Sáu, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

Vậy, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành thông báo công khai cho các tổ chức thẩm định giá tài sản được biết.

Mọi chi tiết vui lòng liên hệ số điện thoại: 0913.760.263 đ/c Cao Văn Nguyễn./.

Nơi nhận:

- Công TTĐT Tổng Cục THADS;
- Công TTĐT Cục THADS tỉnh HG;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Niêm yết tại Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Lưu: VT, HSTHA.

CHẤP HÀNH VIÊN



Cao Văn Nguyễn

PHỤ LỤC 1

BẢNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM CÁC TỔ CHỨC THẨM ĐỊNH GIÁ TÀI SẢN
(Ban hành kèm theo Quy trình lựa chọn tổ chức thẩm định giá, đấu giá tài sản để thi hành án)

Tiêu chí có dấu (*) là tiêu chí bắt buộc cần đạt được

STT	NỘI DUNG	TIÊU CHÍ LỰA CHỌN	ĐIỂM CHUẨN	ĐIỂM ĐẠT ĐƯỢC	GHI CHÚ
1	2	3	4	5	6
	TỔNG		100		
I	Năng lực pháp lý (tối đa 15 điểm)*		15		
1	Là doanh nghiệp thẩm định giá được đăng ký hoạt động theo Luật doanh nghiệp và thuộc danh sách công bố của Bộ tài chính đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá tài sản.	Có 02 chi nhánh trở lên	5		
		Chỉ có 01 chi nhánh	4		
		Không có chi nhánh	3		
2	Doanh nghiệp có thẩm định viên hành nghề tại doanh nghiệp, được doanh nghiệp đóng Bảo hiểm xã hội và được Bộ Tài chính thông báo đủ điều kiện hành nghề	Trên 07 thẩm định viên	5		
		Từ 05 đến 07 thẩm định viên	4		
		Dưới 05 thẩm định viên	3		
3	Thời gian hoạt động của doanh nghiệp thẩm định giá	Trên 05 năm	5		
		Từ 03 đến 05 năm	5		
		Dưới 03 năm	4		
II	Năng lực kinh nghiệm (tối đa 60 điểm)		60		
1	Hồ sơ đã thẩm định giá trong thời hạn 06 tháng gần nhất tương tự với tài sản kê biên, đã phát hành báo cáo Thẩm định giá, chứng thư thẩm định giá.	Trên 30 hồ sơ	15		
		Từ 20 đến 30 hồ sơ	14		
			13		
		Dưới 20 hồ sơ			
2	Mức độ tuân thủ pháp luật trong lĩnh vực thẩm định giá.	Không bị Xử phạt vi phạm hành chính	10		
		Có kết luận vi phạm nhưng chưa đến mức bị xử phạt vi phạm hành chính	9		
		Bị xử phạt vi phạm hành chính nhưng đã chấp hành, khắc phục xong	8		
		Đang trong thời gian bị xử phạt vi phạm hành chính.	0		

3	Thời gian cam kết báo cáo kết quả thẩm định giá, cấp chứng thư thẩm định giá.	Trước 07 ngày, từ thời điểm ký kết hợp đồng dịch vụ thẩm định giá.	5		
		Từ 07 đến 15 ngày, từ thời điểm ký kết hợp đồng dịch vụ thẩm định giá	4		
		Trên 15 ngày, từ thời điểm ký kết hợp đồng dịch vụ thẩm định giá.	3		
4	Thời gian cam kết giải trình khiếu nại, thắc mắc liên quan đến kết quả thẩm định giá	Tối đa 03 ngày làm việc, tính từ khi nhận được yêu cầu giải trình.	10		
		Trong thời gian 03 đến 05 ngày làm việc	9		
		Trên 05 ngày làm việc	8		
5	Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý hoạt động thẩm định giá.	Có hệ thống phần mềm quản lý giá đang hoạt động, có thể trích xuất dữ liệu	10		
		Không có phần mềm nhưng có hệ thống quản lý tập trung cơ sở dữ liệu	9		
		Không có phần mềm.	0		
6	Kết quả đánh giá chất lượng hoạt động thẩm định giá năm liền kề của doanh nghiệp thẩm định giá do Bộ tài chính công bố.	Từ 80 điểm trở lên	10		
		Từ 70 đến dưới 80 điểm	9		
		Từ 60 đến dưới 70 điểm.	8		
III	Năng lực tài chính		15		
1	Có biểu giá dịch vụ cố định được ban hành công khai trên Website của Công ty		5		
2	Có cam kết về biểu phí thẩm định giá theo các tiêu chí dưới đây	Thấp nhất trong số các hồ sơ đăng ký	5		
		Thấp thứ 2	4		
		Thấp thứ 3	3		
		Thấp thứ 4	2		
		Thấp thứ 5 trở đi	1		
3	Doanh thu bình quân từ dịch vụ thẩm định giá của doanh nghiệp thẩm định giá trên	Trên 5 tỷ/năm	5		
		Từ 3-5 tỷ/năm	4		
		Từ 1-3 tỷ/năm	3		

	báo cáo tài chính 03 năm gần nhất.	Dưới 1 tỷ/năm	2		
IV	Tiêu chí khác (doanh nghiệp mới khởi nghiệp; vai trò đóng góp xã hội của doanh nghiệp; điều kiện đặc thù của địa phương;...)		10		